

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2018/HNGĐ-PT

Ngày: 25-6-2018

V/v “Tranh chấp về Hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phấn và ông Nguyễn Văn Phồn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Hà, Thư ký TAND tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Mạnh H, sinh năm 1979.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1989;

Đều cùng Địa chỉ: xóm 7, xã N, huyện N, T. Nghệ An.

Chị H đang tạm trú tại: xóm 1, xã N, huyện N, N. An.

- *Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị H:* Bà Nguyễn Thị T. Trợ giúp viên pháp lý. Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Nghệ An.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1- Bà Ngô Thị L sinh năm 1952. (*mẹ anh H*).

Địa chỉ: xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

2- Ông Trần Văn K sinh năm 1954. (*bố chị H*).

Địa chỉ: xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

3 - Anh Võ Mạnh C sinh năm 1982. (*em trai anh H*).

Địa chỉ: Bản T, xã M, huyện K, tỉnh Nghệ An.

Các đương sự và người bảo vệ quyền lợi đều có mặt tại phiên tòa.

- *Người kháng cáo:* Anh Võ Mạnh H – là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình xét xử sơ thẩm, nguyên đơn anh Võ Mạnh H trình bày: Anh và chị Trần Thị H kết hôn với nhau ngày 10/7/2008, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì chị H đi nước ngoài do ngoại tình nên phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2016 đến nay. Nay anh H thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với chị Hà.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Võ Mạnh Hoài N sinh ngày 16/02/2009 và Võ Mạnh Đình T sinh ngày 01/11/2012. Ly hôn anh xin nuôi cháu T, chị H nuôi cháu N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng có một số tài sản chung đã được Hội đồng định giá. Anh H xin nhận: xe máy, tủ âm, két sắt, máy bơm nước, bếp ga, cổng sắt. Còn nhà, trâu, tường bao, đất là của bà Ngô Thị L (mẹ anh) thì trả lại cho bà L. Về nợ : Vợ chồng còn nợ anh Võ Mạnh C 105.000.000đ và ông Trần Văn K 52.000.000đ.

Anh đề nghị: Đất trả lại cho bà Ngô Thị L, anh nhận tài sản, trả nợ cho anh C và bù chênh lệch tài sản cho chị H. Chị H nhận tiền và trả nợ cho ông K.

Bị đơn là chị Trần Thị H trình bày: Chị thừa nhận về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn do chị đi lao động nước ngoài bị đánh tàn tật nên anh trốn tránh trách nhiệm. Nay anh H làm đơn xin ly hôn thì chị H cũng nhất trí vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị H thống nhất ý kiến như anh Hùng.

Về tài sản và các khoản nợ: Theo chị H toàn bộ tài sản đã được định giá là tài sản chung của vợ chồng, đất ở mặc dù đứng tên vợ chồng nhưng nhất trí trả lại cho bà L, còn lại chia đôi giá trị. Về nợ: Vợ chồng chỉ nợ anh C 40.500.000đ, ông K 60.000.000đ.

Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Theo anh Võ Mạnh C khai: Anh có cho vợ chồng anh H, chị H vay 3 lần với số tiền 105.000.000đ để anh H làm nhà và chữa bệnh cho chị H.

Theo ông Trần Văn K khai: Ông có đứng ra chịu và trả nợ vật liệu làm nhà cho vợ chồng khoảng 60.000.000đ, tính cả tiền công mức khoảng 100.000.000đ.

Ly hôn hai người yêu cầu vợ chồng anh H, chị H phải trả.

Theo bà Ngô Thị L yêu cầu: Đất ở có nguồn gốc của bà, anh H, chị H đã làm Giấy CNQSDĐ mang tên họ nhưng không hỏi ý kiến bà, bà không biết nên đề nghị anh H, chị H trả lại đất cho bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/HNGĐ-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 33, 59, 61 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; 147, 266, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lệ phí và án phí. Xử:

1- Về hôn nhân: Cho anh Võ Mạnh H được ly hôn chị Trần Thị H.

2- Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Mạnh Đình T sinh ngày 01/11/2012 cho anh Võ Mạnh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi

dưỡng. Giao con chung là cháu Võ Mạnh Hoài N sinh ngày 16/02/2009 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

3- Về chia tài sản:

Giao cho anh Võ Mạnh H được quyền sử dụng những tài sản sau: 115,8m² tường xây trị giá: 13.548.600đ, 1 căn nhà cấp 4 lợp tôn: 210.683.000đ, 1 con trâu đực: 35.000.000đ, 1 xe máy Honda: 18.000.000đ, 1 bộ loa, tăng âm: 2.000.000đ, 1 kết sắt: 1.000.000đ, 1 máy bơm nước: 250.000đ, 1 bếp ga: 500.000đ, 1 cổng sắt: 2.100.000đ. Tổng trị giá 283.081.600đ.

- Anh Võ Mạnh H có nghĩa vụ trả nợ cho ông Trần Văn K số tiền nợ làm nhà là 52.000.000đ, trả cho anh Võ Mạnh C 40.500.000đ và thanh toán cho chị Trần Thị H tiền chênh lệch tài sản là 95.290.000đ.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị H và anh Võ Mạnh H giao trả lại thửa đất số 226 tờ bản đồ số 13 có diện tích 1469,1m² (đã cấp Giấy CNQSDĐ mang tên anh Hùng, chị H) cho bà Ngô Thị L được quyền sử dụng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, chi phí thẩm định, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/10/2017, anh Võ Mạnh H làm Đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc Tòa án tuyên:

- Vợ chồng còn nợ anh Vũ Mạnh C là 105.000.000đ chứ không phải 40.500.000đ.

- Vật liệu nhà cũ của bà L phá đi chưa tính vào giá trị nhà mới.

- Tổng số tiền tài sản đã có phải trừ vào trả nợ cho anh C, ông K, tiền nhà cũ bà Liên rồi mới chia.

Kèm theo đơn là các Hợp đồng vay nợ giữa anh C và anh H, giấy đề nghị chuyển tiền qua dịch vụ Viettel, vật liệu phá nhà cũ để làm nhà mới có xác nhận của xóm.

Bà L, anh C có đơn trình bày ý kiến về yêu cầu của anh H nhưng không kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét: Về khoản nợ có vay của anh C để làm nhà, chi để chữa bệnh cho chị H là thực tế, về giá trị gỗ nhà cũ của bà L đưa vào nhà mới đề nghị Tòa án xem xét để trả lại cho bà L 40.000.000đ nhưng không yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng để định giá. Nếu Tòa án phúc thẩm công nhận trả toàn bộ nợ thì không yêu cầu xem xét trả giá trị gỗ cho bà L.

Chị Trần Thị H không thừa nhận, không biết số nợ như anh H yêu cầu, (chị thừa nhận có nợ 40.500.000đ). Nhà cũ của bà L thì không có giá trị lớn nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn đề nghị:

Các hợp đồng vay nợ giữa anh H và anh C là không hợp pháp nên không có cơ sở chấp nhận, số gỗ nhà cũ của bà L đưa vào làm nhà mới tại cấp sơ thẩm bà L không yêu cầu nên không chấp nhận. Hoàn cảnh chị H thực sự khó khăn, sống nhờ bên ngoại, hưởng trợ cấp xã hội nên đề nghị Tòa án phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Hùng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của anh H về số tiền vay làm nhà, riêng số tiền vay 20.000.000đ để chi phí điều trị, chữa bệnh cho chị H là có cơ sở chấp nhận vì phục vụ cho nhu cầu, lợi ích chung của gia đình khi chị H đang điều trị bệnh tật nên cần chấp nhận. Đề nghị sửa án sơ thẩm chấp nhận khoản nợ trên, về tiền gỗ làm nhà, bà L đã cho vợ chồng sử dụng khi làm nhà mới, bà không kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự, người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn là anh H làm đơn kháng cáo. Nội dung, hình thức và thời hạn nộp đơn kháng cáo đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo của anh H là hợp lệ. Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của anh H:

Anh H kháng cáo về việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ số nợ của anh Cường là 105.000.000đ và xuất trình các Hợp đồng vay nợ.

Xét thấy: Hợp đồng này chỉ lập giữa anh với anh Cường không có sự tham gia, chữ ký của chị H nên không chấp nhận. Riêng khoản nợ 20.000.000đ anh C chuyển tiền vay cho anh H qua dịch vụ Plus khi chị H đang điều trị bệnh nặng do bị đánh đập, thực tế có việc chị H nằm viện điều trị bệnh nặng, chi phí tốn kém nên có cơ sở chấp nhận khoản nợ này như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Về vật liệu nhà cũ của bà L được tháo dỡ và anh chị sử dụng làm khung cửa, hoành, kèo, li tô khi làm nhà mới.

Xét thấy: Từ giai đoạn sơ thẩm bà L không yêu cầu và cấp phúc thẩm bà L là người có tài sản, ảnh hưởng quyền lợi nhưng không kháng cáo để bảo vệ quyền lợi của mình nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh H.

Căn cứ nhận định trên: Chấp nhận một phần kháng cáo của anh H và sửa án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hợp tình, hợp lý. Anh H trả nợ cho anh C 60.500.000đ, cân đối tài sản sau khi trừ nợ thì anh H phải bù chênh lệch giá trị tài sản cho chị H là 85.290.000đ

Cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ, xác định tài sản chung và đã phân chia tài sản phù hợp các quy định của pháp luật nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh H được chấp nhận một phần và anh thuộc hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 59,61 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Võ Mạnh H: Sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Về chia tài sản:

- Giao cho anh Võ Mạnh H được quyền sử dụng những tài sản sau: 115,8m² tường xây trị giá: 13.548.600đ, 1 căn nhà cấp 4 lợp tôn : 210.683.000đ, 1 con trâu đực: 35.000.000đ, 1 xe máy Honda: 18.000.000đ, 1 bộ loa, tăng âm: 2.000.000đ, 1 kết sắt: 1.000.000đ, 1 máy bơm nước: 250.000đ, 1 bếp ga: 500.000đ, 1 cổng sắt: 2.100.000đ. Tổng trị giá 283.081.600đ.

- Anh Võ Mạnh H có nghĩa vụ trả nợ cho ông Trần Văn K số tiền nợ làm nhà là 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng), trả cho anh Võ Mạnh C 60.500.000đ (Sáu mươi triệu năm trăm ngàn đồng) và thanh toán cho chị Trần Thị H tiền chênh lệch tài sản là 85.290.000đ (Tám mươi lăm triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị H và anh Võ Mạnh H giao trả lại thửa đất số 226 tờ bản đồ số 13 có diện tích 1469,1m² (đã cấp giấy CNQSDĐ mang tên anh Hùng, chị H) cho bà Ngô Thị L được quyền sử dụng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ cho anh Võ Mạnh H

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực (đối với trường hợp thi hành án chủ động) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền phải thi hành phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Nghĩa Đàn;
- Chi Cục THADS h. Nghĩa Đàn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hà